TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/6/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà - Thẩm phán: Bà Vũ Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa, bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2019/ST-HNGĐ ngày 03/5/2019 "về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970

ĐKHKTT và trú tại: phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985

ĐKHKTT: phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu X, phường M, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn G, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu X, phường M, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H vào ngày 20/3/2003. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc. Cuối năm 2016, chị H bỏ về nhà bố đẻ ở khu X, phường M và từ tháng 12/2017 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc.

Do mâu thuẫn nên kể từ khi sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị H vẫn thỉnh thoảng liên lạc với anh và gia đình qua điện thoại để hỏi thăm về con, anh L có trao đổi với chị H về việc anh làm thủ tục ly hôn tại Tòa án và đề nghị chị H cung cấp địa chỉ, nhưng chị H không cho biết địa chỉ cụ thể. Nay, anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/12/2003, Nguyễn Khánh L, sinh ngày 06/8/2008 và Nguyễn Lê Huyền A, sinh ngày 04/9/2016. Hiện các con chung đang do anh L chăm sóc. Khi ly hôn, anh L có nguyện vọng xin được nuôi 03 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng, nhưng do chị H đề nghị được nuôi hai con chung là cháu L và cháu Huyền A, còn anh nuôi cháu H, anh nhất trí.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

* Về phía bị đơn chị Lê Thị H:

Theo kết quả xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an, chị Lê Thị H xuất cảnh vào ngày 29/12/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Bố đẻ chị H là ông Lê Văn G cung cấp: Anh L và chị H kết hôn năm 2003, quá trình vợ chồng chung sống tuy có mâu thuẫn, nhưng không có gì lớn lắm. Kể từ khi anh chị sinh cháu thứ ba thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị H bỏ về nhà sống cùng vợ chồng ông G. Tháng 12/2017, chị H đi lao động ở Hàn Quốc, ở địa chỉ cụ thể nào ông bà không rõ, hỏi chị H nhưng chị không cho biết vì chỗ ở của chị H không ổn định. Trước khi đi nước ngoài chị H có cư trú cùng địa chỉ với ông. Hiện ông vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với chị H. Cho nên, mọi văn bản tố tụng của Tòa án, ông xin được nhận thay cho chị H và cam đoan sẽ thông báo cho chị H biết. Sau khi chị H được ông G thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án, thông qua lời trình bày của ông G quan điểm của chị H như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L xin ly hôn với chị H, chị nhất trí.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung như anh L trình bày, chị H đề nghị để anh L nuôi cháu H, còn chị H nuôi cháu L và cháu Huyền A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị H ở nước ngoài chị đề nghị để vợ chồng ông G chăm sóc, nuôi dưỡng giúp. Ông G nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không về Việt Nam để giải quyết vụ án được chị xin được giải

quyết vụ án vắng mặt và ủy quyền cho ông G nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông G nhất trí nhận sự ủy quyền trên của chị H.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Tòa án tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 48 BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Đương sự cơ bản chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS. VKS phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Lê Thị H; Về con chung: giao cho chị H trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Khánh L và Nguyễn Lê Huyền A; giao cho anh L trực tiếp nuôi con Nguyễn Xuân H, kể từ tháng 6/2019 đến khi con đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản, nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo kết quả xác minh của Cục quản lý xuất nhập cảnh, chị Lê Thị H có thông tin xuất cảnh, đang sinh sống ở nước ngoài, chưa có thông tin nhập cảnh. Anh L và bố đẻ chị H xác định chị H xuất cảnh đi lao động ở Hàn Quốc. Hiện chị H vẫn liên lạc với ông Lê Văn G. Tòa án đã nhiền lần yêu cầu ông G cung cấp địa chỉ của chị H, nhưng ông chỉ biết hiện chị H ở Hàn Quốc, địa chỉ cụ thể không biết, nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H vào ngày 20/3/2003, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và đi lao động tại Hàn Quốc từ cuối năm 2017. Từ khi đi cho đến nay chị H chưa lần nào về nước

thăm gia đình. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, kinh tế độc lập. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh L và chị H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không có khả năng đoàn tụ hàn gắn. Xét thấy, anh chị sống ly thân đã lâu, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, xử cho anh L được ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh L và chị H có 03 con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/12/2003, Nguyễn Khánh L, sinh ngày 06/8/2008 và Nguyễn Lê Huyền A, sinh ngày 04/9/2016. Anh L và chị H đều đề nghị giao cho chị H nuôi hai con chung là cháu L và cháu Huyền A, còn anh lợi nuôi cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy anh L và chị H đều có đủ các điều kiện nuôi con, đề nghị của anh chị phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hiện chị H đang ở nước ngoài, nên chị ủy quyền cho ông Đỗ Văn G (là bố đẻ chị H) chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, cháu Huyền A. Ông G nhất trí nhận sự ủy quyền trên của chị H. Vì vậy cần chấp nhận đề nghị giao con như trên của các đương sự là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung và phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung:

Giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/12/2003; giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 06/8/2008 và Nguyễn Lê Huyền A, sinh ngày 04/9/2016, kể từ tháng 6/2019 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tạm giao cháu Nguyễn Khánh L và Nguyễn Lê Huyền A cho ông Lê Văn G chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

Anh Nguyễn Văn L, chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0007402 ngày 23/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh L đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND Phường Trần Phú, TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Vũ Thị Yến